

Bản án số: 278/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 13-3-2023

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Bà Phạm Thị Thu Phương.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 97/2022/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án số 715/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 366/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1297/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 55/9B ấp L 1, xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 314 đường Bàu Cát, Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Lều Công A**, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 39/8 đường N, Tổ 43, Khu phố 4, phường T, Quận X12, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Lều Công L**, sinh năm 1950; địa chỉ: Xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lều Văn T**, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 39/8 đường N, Tổ 43, Khu phố 4, phường T, Quận X12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 4 năm 2021). Có mặt.

+ **Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín**; địa chỉ: Số 266 - 268 đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** - Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 272 đường TT, Phường X1, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 3 năm 2023). Có mặt.

+ **Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội**; địa chỉ: 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận G, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Hữu Đ**, sinh năm 1955 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 6, phường Thanh Tuyền, thành phố P, tỉnh Hà Nam. (Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 12 năm 2021). Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Lều Công A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lều Công A đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 01 năm 2006. Vợ chồng bà chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà và con riêng của ông A không hòa hợp. Từ đó, vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã, ông A còn đánh đập, chửi bới bà. Bà và ông A đã nhiều lần cố gắng hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà và ông A đã ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà và ông A có 01 con chung tên Lều Công Toàn T, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2005. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông A cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà và ông A có tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với phần đất có diện tích 80m², thuộc thửa đất số 578, tờ bản đồ số 86, tọa lạc tại xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh, trên đất có 01 căn nhà có diện tích xây dựng 59,3m², diện tích sàn 177,9m², địa chỉ: Số 55/9B ấp L 1, xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 322550, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 01034 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 10 năm 2016 cho ông Lều Công A và bà Nguyễn Thị M (*sau đây gọi tắt là nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1*).

- 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển số: 51G - 129.01, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 330154 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị M.

Theo Chứng thư thẩm định giá do Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thiên Phú ngày 27 tháng 5 năm 2022 giá trị nhà đất số 55/9B ấp L 1 là 5.394.299.000 đồng; giá trị xe Toyota Vios hai bên tự thỏa thuận là 400.000.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, bà nhận tài sản và thanh toán lại cho ông A 30% giá trị tài sản chung.

Về nợ chung: Bà và ông A có các khoản nợ chung như sau:

- Khoản nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: LD1621400066 ngày 02 tháng 8 năm 2016. Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà M và ông A đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín toàn bộ nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1.

- Khoản nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội theo Hợp đồng tín dụng số: 708463.17.101.3696860.TD ngày 22 tháng 12 năm 2017. Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà M và ông A đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội tài sản là xe ô tô Vios.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung: Bà và ông A mỗi người có trách nhiệm thanh toán 50% số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L về việc cùng ông A trả khoản nợ 352.400.000 đồng vì bà M không ký hợp đồng vay tiền của ông L, tiền ông L chuyển khoản cho bà và ông A đều do ông A nhận và tiêu xài cho công việc riêng của ông A.

[1.2] Bị đơn ông Lều Công A trình bày:

Ông đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về quan hệ hôn nhân và về con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà M có tài sản chung là nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1 và 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios. Đây là tài sản do ông và bà M cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân: Trước khi kết hôn ông có góp tiền mua đất với em trai, sau đó bán lấy tiền cùng bà M mua nhà ở đường Nguyễn Phúc Chu nhưng để tránh tiền thuế nên mẹ của bà M để bà M đứng tên. Sau đó, vợ chồng ông đã cùng đứng tên nhà đất ở Nguyễn Phúc Chu và bán để mua nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1. Quá trình chung sống, ông có đi làm tạo thu nhập, cùng bà M trả nợ mua nhà, mua xe, ông đóng góp công sức ngang với bà M trong tạo lập tài sản chung. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M về việc chia tài sản chung của vợ chồng theo tỷ lệ 7:3, ông yêu cầu được nhận 50% giá trị tài sản chung.

Về nợ chung: Ông đồng ý với yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội và ông Lều Công L, đồng ý cùng bà M trả các khoản nợ chung cho Ngân hàng và ông L.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L trình bày: Trước đây, bà Nguyễn Thị M và ông Lều Công A gọi điện thoại cho ông nói cần tiền mua nhà và mua xe, ông là cha nên thấy có trách nhiệm và đã đi vay tiền giúp rồi chuyển tiền cho ông A và bà M theo các giấy chuyển tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank). Việc vay mượn chỉ thỏa thuận qua điện thoại và không có giấy tờ. Ông yêu cầu ông A và bà M liên đới trả nợ cho ông số tiền 352.400.000 đồng.

[1.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín trình bày:

Bà Nguyễn Thị M và ông Lều Công A ký Hợp đồng tín dụng số: LD1621400066 ngày 02 tháng 8 năm 2016 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01/LD1621400066 ngày 05 tháng 11 năm 2016 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, vay 900.000.000 đồng; mục đích vay: Chuyển nhượng bất động sản; thời hạn vay: 216 tháng (Từ ngày 02 tháng 8 năm 2016 đến ngày 02 tháng 8 năm 2034). Tài sản bảo đảm là nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M và ông A đã thanh toán đầy đủ nợ gốc và tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng đến ngày 15 tháng 7 năm 2021, hiện tại, do bà M và ông A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu Tòa án buộc ông Lều Công A và bà Nguyễn Thị M phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 12 tháng 4 năm 2022 là 713.626.624 đồng, trong đó: Vốn gốc là 658.314.000 đồng, lãi là 55.312.624 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và các Phụ lục hợp đồng tín dụng (nếu có).

Trường hợp xử lý tài sản tài sản bảo đảm là nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1 thì Ngân hàng được quyền ưu tiên thu hồi toàn bộ nợ vay và lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; trường hợp phát mãi tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì ông Lều Công A và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

[1.5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội trình bày:

Bà Nguyễn Thị M và ông Lều Công A ký Hợp đồng số X3X4X5.TD ngày 22 tháng 12 năm 2017 và khế ước nhận nợ với Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội vay số tiền 421.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô; tài sản bảo đảm là xe ô tô biển số 51G-129.01 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông/xe máy chuyên dùng hình thành trong tương lai số X6X7X8.BĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Lều Công A và bà Nguyễn Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội tổng số tiền tạm tính đến ngày 12 tháng 4 năm 2022 là 272.122.200 đồng, trong đó, nợ gốc là: 228.049.000

đồng và lãi là 44.073.200 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; thanh toán nợ vay và lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ cho đến khi trả dứt nợ vay cho Ngân hàng. Trong trường hợp ông A và bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ; tài sản thế chấp phát mãi mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì ông A và bà M có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

[2] Tại Bản án số 715/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lều Công A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Lều Công Toàn T, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2005 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông A.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Giao tài sản chung là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 55/9B, ấp L 1 và 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển số: 51G - 129.01 cho bà Nguyễn Thị M quản lý, sử dụng.

Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 12 tháng 4 năm 2022 là 713.626.624 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: LD988283 ngày 02 tháng 8 năm 2016, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01/LD1621400066 ngày 05 tháng 11 năm 2016 và giấy nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông A, bà M.

Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 12 tháng 4 năm 2022 là 272.122.200 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội theo Hợp đồng tín dụng số: 708463.17.101.3696860. TD ngày 22 tháng 12 năm 2017 và khế ước nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội và ông A, bà M.

Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lều Công A số tiền: 1.442.548.151 đồng tương đương 30% giá trị tài sản chung được chia, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L: Buộc ông Lều Công A có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 352.400.000 đồng, Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn, về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ về thi hành án.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 26 tháng 7 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông, buộc ông A và bà M có nghĩa vụ cùng thanh toán khoản tiền vay 352.400.000 đồng cho ông.

- Ngày 28 tháng 6 năm 2022, bị đơn ông Lều Công A có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân chia tài sản chung là nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1, ông được nhận 50% giá trị tài sản; yêu cầu Tòa án buộc bà M có trách nhiệm liên đới cùng ông thanh toán tiền cho ông Lều Công L, mỗi người trả một nửa.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

[4.1] Bị đơn ông Lều Công A xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm phân chia tài sản chung là nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1 theo tỷ lệ 50:50, bà M nhận nhà thì thanh toán cho ông 50% giá trị; buộc bà M có nghĩa vụ cùng ông thanh toán nợ cho ông Lều Công L.

Về tài sản chung: ông A cho rằng ông có công sức đóng góp tạo lập tài sản ngang với bà M, việc tòa án cấp sơ thẩm xác định bà M đi làm, có lương tạo thu nhập ổn định, tự mình thanh toán các khoản vay ngân hàng mua nhà, mua xe còn ông không tạo ra thu nhập rồi phân chia cho bà M phần tài sản nhiều hơn là không đúng. Để mua được nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1, vợ chồng ông đã phải bán tài sản chung là căn nhà 47/7 đường Nguyễn Phúc Chu và vay ngân hàng 900.000.000 đồng. Căn nhà 47/7 đường Nguyễn Phúc Chu do ông góp khoản tiền bán tài sản chung với người anh trai Lều Công Tuấn cùng khoản tiền 200.000.000 đồng bà Hà Thị Thơ – là mẹ của bà M – cho vợ chồng ông để mua. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình chia đôi tài sản chung là nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1.

Về nợ chung giữa ông A, bà M và ông Lều Công L: ông L là cha của ông, quá trình vợ chồng ông mua nhà, mua xe do không có tiền nên nhờ ông L vay mượn tiền ở quê và chuyển tiền qua ngân hàng cho ông và bà M. Do là cha con nên không làm giấy tờ vay tiền, tuy nhiên, 05 chứng từ chuyển tiền mà ông L cung cấp chưa được Tòa án nhân dân huyện M nhận định, xem xét trong quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án, thực tế có một lần chuyển tiền bà M là người nhận số tiền 140.000.000 đồng từ ông L. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải trả toàn bộ số tiền 352.400.000 đồng cho ông L là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm tuyên buộc bà M có nghĩa vụ cùng ông thanh toán nợ cho ông L, mỗi người thanh toán một nửa số nợ tương ứng là 176.200.000 đồng.

[4.2] Ông Lều Công Tuấn là người đại diện theo ủy quyền của ông Lều Công L xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm buộc bà M cùng ông A có nghĩa vụ trả khoản tiền 352.400.000 đồng đã vay của ông L, thể hiện tại 05 phiếu chuyển tiền qua ngân hàng. Các khoản tiền này vợ chồng ông A, bà M gọi điện thoại về nhờ ông L vay, không làm giấy tờ vay mượn. Tòa án cấp sơ thẩm không

xem xét đến các chứng từ mà ông L cung cấp mà buộc ông A phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền vay cho ông L là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L.

[4.3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L do nguồn tiền mua nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1 là từ tiền bán căn nhà tại số 47/7 đường Nguyễn Phúc Chu, khi mua căn nhà Nguyễn Phúc Chu, bà Hà Thị Thơ là mẹ của bà có cho bà số tiền 200.000.000 đồng chiếm 45% giá trị căn nhà, điều này ông A đã thừa nhận. Số tiền còn lại mua nhà là do bà vay mượn rồi trả dần bằng chính thu nhập của bà hàng tháng. Do đó, việc bà được ghi nhận công sức đóng góp nhiều hơn so với ông A và được chia 70% giá trị tài sản là đúng. Đối với số tiền 140.000.000 đồng bà nhận do ông Lều Công L chuyển khoản: Đây là số tiền bà nhận thay cho ông A, sau khi nhận tiền từ ngân hàng bà đã bàn giao lại ngay cho ông A, bà hoàn toàn không biết và không sử dụng khoản tiền này nên không có nghĩa vụ trả cho ông L. Bà cũng không biết về các khoản tiền mà ông A nhận từ ông L. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông A và ông L.

[4.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín không có ý kiến gì đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L do không liên quan đến yêu cầu độc lập của Ngân hàng trong vụ án này.

[4.5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Bị đơn ông Lều Công A kháng cáo cho rằng bản thân có công sức đóng góp ngang với bà Nguyễn Thị M nên phải được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1, nhưng ngoài lời thừa nhận mẹ của bà M có cho số tiền 200.000.000 đồng để mua căn nhà 47/7 đường Nguyễn Phúc Chu thì ông A không chứng minh được bản thân có đóng góp tiền riêng để mua căn nhà này. Từ tiền bán căn nhà 47/7 đường Nguyễn Phúc Chu và 900.000.000 đồng tiền vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, vợ chồng ông A, bà M mua nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận bà M có phần công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1 rồi phân chia theo tỷ lệ 7:3 là có cơ sở.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L về nợ chung: Quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án, ông L xuất trình phiếu chuyển tiền ngày 27 tháng 6 năm 2016 chuyển 140.000.000 đồng, bà M thừa nhận có nhận khoản tiền này nhưng không chi tiêu cho bản thân hay gia đình mà đưa cho ông A; nhưng ngoài lời trình bày, bà M không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Vào các ngày 23 tháng 10, 04 và 18 tháng 12 cùng năm 2017 và

ngày 09 tháng 7 năm 2018, ông L lần lượt chuyển 79.900.000 đồng, 27.500.000 đồng, 80.000.000 đồng và 25.000.000 đồng cho ông Lều Công A. ông A và ông L cho rằng các khoản tiền ông L chuyển là tiền vợ chồng ông A mượn của ông L để trả tiền mua nhà, mua xe nhưng bà M không thừa nhận. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong thời kỳ hôn nhân, bà M có nhận số tiền 140.000.000 đồng từ ông L; tháng 12 năm 2017, bà M, ông A mua xe thể hiện qua hợp đồng mua xe ngày 09 và hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội ngày 22 tháng 12 năm 2017. Do đó, các khoản tiền ông L chuyển cho ông A, bà M cùng lời khai của ông L và ông A phù hợp với thời điểm tạo lập tài sản chung của ông A, bà M. Có cơ sở để xác định các khoản tiền ông L chuyển cho ông A, bà M là nợ chung của vợ chồng. Cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L, sửa một phần bản án sơ thẩm buộc ông A và bà Liễu có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản tiền vay của ông L là 352.400.000 đồng, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán 176.200.000 đồng; sửa một phần bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí dân sự tương ứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

1. Đơn kháng cáo của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại các điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ tại cấp phúc thẩm: Trước khi mở phiên tòa, bị đơn ông Lều Công A cung cấp tài liệu:

(1) Bản photo các phiếu chuyển tiền qua ngân hàng, người chuyển tiền: Ông Lều Công A, người nhận tiền: Bà Nguyễn Thị M được thực hiện nhiều lần trong các năm 2018, 2019 và 2020.

(2) Bản photo Hợp đồng mua bán xe ô tô.

Tuy các tài liệu nêu trên là bản photo nhưng nguyên đơn bà Nguyễn Thị M thừa nhận nên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được coi là chứng cứ làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án.

(3) Các tài liệu còn lại là Đơn trình báo, hình ảnh, hợp đồng đặt cọc nhà ở... đều là bản photo và không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

II. Về nội dung: Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Nguyễn Thị M và ông Lều Công A đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 01 năm 2006. Năm 2018, giữa bà M và ông A phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 9 năm 2018. bà M và ông A đã thuận tình ly hôn.

[2] Giữa bà M và ông A có 01 con chung tên Lều Công Toàn T, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2005. bà M và ông A thỏa thuận giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, bà M tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng cho con.

[3] 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển số: 51G - 129.01, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 330154 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà M là tài sản chung của vợ chồng bà M, ông A. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia tài sản chung này theo hướng giao tài sản cho bà M và bà M thanh toán 30% giá trị cho ông A.

[4] Bà Nguyễn Thị M và ông Lều Công A cùng thừa nhận có 02 khoản nợ chung với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội; Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết các khoản nợ chung theo hướng bà M nhận thanh toán toàn bộ các khoản nợ và khấu trừ những khoản nợ này vào khối tài sản chung giữa bà M, ông A rồi mới phân chia.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm, các quyết định của Bản án sơ thẩm giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung, phân chia tài sản chung là xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển số: 51G - 129.01 và 02 khoản nợ chung với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bị đơn ông Lều Công A yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân chia cho ông một nửa giá trị tài sản chung là nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1: Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án gồm:

(1) Hợp đồng tặng cho ngày 28 tháng 5 năm 2012, bà Hà Thị Thơ là mẹ của của Nguyễn Thị M tặng cho bà M căn nhà số 47/7 đường Nguyễn Phúc Chu, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lều Công A thừa nhận tại các biên bản phiên tòa ngày 06 tháng 5 và 08 tháng 6 năm 2022 (BL 491a và 502) mẹ của bà M có cho vợ chồng khoản tiền 200.000.000 đồng để mua căn nhà nêu trên, chiếm khoảng 45% giá trị căn nhà;

(2) Ngày 01 tháng 8 năm 2016, bà M, ông A bán căn nhà số 47/7 đường Nguyễn Phúc Chu được 1.600.000.000 đồng;

(3) Ngày 02 tháng 8 năm 2016, bà M và ông A vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 900.000.000 đồng;

(4) Ngày 20 tháng 7 năm 2016, bà M và ông A ký hợp đồng đặt cọc mua nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1 với giá chuyển nhượng là 2.580.000.000 đồng.

(5) Bản photo các phiếu chuyển tiền qua ngân hàng, người chuyển tiền: Ông Lều Công A, người nhận tiền: Bà Nguyễn Thị M được thực hiện nhiều lần trong các năm 2018, 2019 và 2020.

Như vậy:

Trong 1.600.000.000 đồng tiền bán căn nhà số 47/7 đường Nguyễn Phúc Chu: bà M đóng góp tài sản riêng là 45% giá trị; 55% giá trị còn lại là tài sản chung, bà M, ông A mỗi người đóng góp 27,5%, tương ứng: bà M đóng góp 1.320.000.000 đồng, ông A đóng góp 280.000.000 đồng.

Do trong quá trình chung sống, bà M và ông A đều có đóng góp để trả khoản nợ vay ngân hàng số tiền 900.000.000 đồng nên bà M, ông A mỗi người được xác định đóng góp một nửa là 450.000.000 đồng

Tỷ lệ công sức đóng góp của bà M: $(1.320.000.000 \text{ đồng} + 450.000.000 \text{ đồng}) : 2.580.000.000 \text{ đồng} \times 100\% = 68,6\%$.

Tỷ lệ công sức đóng góp của ông A: $(280.000.000 \text{ đồng} + 450.000.000 \text{ đồng}) : 2.580.000.000 \text{ đồng} \times 100\% = 31,4\%$.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà M có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập tài sản chung là nhà và đất tại số 55/9B ấp L 1, phân chia tài sản chung theo tỷ lệ 7:3 cho bà M nhận phần nhiều hơn là có cơ sở.

ông A kháng cáo yêu cầu chia đôi tài sản chung nhưng ngoài lời trình bày không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh phần công sức đóng góp ngang bằng với bà M nên không có cơ sở để chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo này của ông A.

[7] Bị đơn ông Lều Công A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L kháng cáo yêu cầu sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm, buộc bà M và ông A liên đới thanh toán số tiền 352.400.000 đồng cho ông L do đây là nợ chung của bà M, ông A trong thời kỳ hôn nhân.

Xét lời khai của bà Nguyễn Thị M tại phiên tòa phúc thẩm thừa nhận có nhận số tiền 140.000.000 đồng từ ông L theo phiếu chuyển tiền ngày 27 tháng 6 năm 2016 nhưng không sử dụng chi tiêu chung cho gia đình mà đưa cho ông A; ông A và ông L cho rằng đây là khoản tiền vợ chồng ông A, bà M vay của ông L để trả tiền mua nhà. Ngoài lời trình bày, bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, do đó, cần xác định số 140.000.000 đồng là khoản nợ chung của ông A, bà M với ông L.

Vào các ngày 04 và 18 tháng 12 năm 2017, ông A lần lượt nhận các khoản tiền 27.500.000 đồng và 80.000.000 đồng từ ông L phù hợp với thời điểm bà M, ông A ký Hợp đồng mua bán xe ô tô (ngày 09 tháng 12 năm 2017) và Hợp đồng thế chấp vay tiền mua xe ô tô (ngày 22 tháng 12 năm 2017). Vào các ngày 23 tháng 10 năm 2017 và 09 tháng 7 năm 2018, ông A nhận số tiền 79.900.000 đồng và 25.000.000 đồng từ ông L, thời điểm ông A nhận tiền là khi vợ chồng bà M, ông A tồn tại khoản nợ chung phải trả hàng tháng với 02 ngân hàng.

Do đó, có cơ sở xác định các khoản tiền ông L chuyển cho bà M, ông A theo 05 phiếu chuyển tiền qua ngân hàng tổng cộng 352.400.000 đồng là khoản nợ chung của vợ chồng.

[8] Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lều Công A, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm giải quyết yêu cầu độc lập của ông L:

Xác định số tiền 352.400.000 đồng là khoản nợ chung của bà M và ông A đối với ông Lều Công L. Áp dụng quy định tại Điều 27, 37 và 45 của Luật Hôn nhân và gia đình, buộc ông A và bà M có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản vay cho ông L, trong đó, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán $352.400.000 \text{ đồng} : 2 = 176.200.000 \text{ đồng}$, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về án phí:

[9.1] Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9.2] Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, theo đó, bà Nguyễn Thị M và ông Lều Công A ngoài việc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản chung được phân chia, đối với khoản nợ chung có nghĩa vụ thanh toán cho 02 Ngân hàng, còn phải chịu án phí tương ứng với số tiền mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Lều Công L là: $176.200.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.810.000 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Cụ thể, bà Nguyễn Thị M phải chịu $(99.318.908 \text{ đồng} + 20.787.077 \text{ đồng} + 8.810.000 \text{ đồng}) = 128.915.985 \text{ đồng}$ và ông Lều Công A phải chịu: $(55.276.445 \text{ đồng} + 20.787.077 \text{ đồng} + 8.810.000 \text{ đồng}) = 84.873.522 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận xem xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Lều Công A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L theo trình tự phúc thẩm do được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

II. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lều Công A, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L, sửa một phần quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 715/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lều Công L:

Xác định số tiền 352.400.000 (ba trăm năm mươi hai triệu bốn trăm nghìn) đồng theo các phiếu chuyển tiền ngày 27 tháng 6 năm 2016, ngày 23 tháng 10 và các ngày 04, 18 tháng 12 năm 2017, ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giữa ông Lều Công L và bà Nguyễn Thị M, ông Lều Công A là nợ chung của vợ chồng bà M, ông A với ông L: Buộc bà M và ông A có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 352.400.000 (ba trăm năm mươi hai triệu bốn trăm nghìn) đồng cho ông L; ông A và bà M mỗi người có nghĩa vụ thanh toán số tiền 176.200.000 (một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn) đồng, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lều Công A phải chịu 84.873.522 (tám mươi tư triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm hai mươi hai) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 36.673.000 (ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2019/0074669 ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. ông A còn phải nộp thêm số tiền 48.200.522 (bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn năm trăm hai mươi hai) đồng; thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị M phải chịu 128.915.985 (một trăm hai mươi tám triệu chín trăm mười lăm nghìn chín trăm tám mươi lăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 51.300.000 (năm mươi một triệu ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2019/0076486 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. bà M còn phải nộp thêm số tiền 77.615.985 (bảy mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn chín trăm tám mươi lăm) đồng; thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lều Công A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0039738 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền; ông Lều Công L là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND huyện M, Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS huyện M, Tp. HCM;
- UBND Phường 11, quận B, TP. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu. (TC: 20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

